

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025
(Dự kiến)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo:

a) Tên Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

b) Tên Tiếng Anh: HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING (HUCE)

2. Mã trường: XDA

3. Địa chỉ các trụ sở:

a) Trụ sở chính: Số 55 đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

b) Cơ sở đào tạo - thực nghiệm: Khu Đại học Nam Cao, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

II. Phương thức tuyển sinh

1. Phương thức 1: Xét tuyển sử dụng kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Xét tuyển ở tất cả các ngành, chuyên ngành. Các tổ hợp có môn Vẽ Mỹ thuật sử dụng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (Trường), hoặc sử dụng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật của một số cơ sở giáo dục đại học khác tổ chức với điểm quy đổi về thang điểm môn Vẽ Mỹ thuật của Trường.

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế Tiếng Anh (Tiếng Pháp) tương đương IELTS 5.5 trở lên (các chứng chỉ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển) có thể sử dụng để thay thế môn Tiếng Anh (Tiếng Pháp) trong tổ hợp xét tuyển. Không xét tuyển với các chứng chỉ có hình thức thi "Home Edition".

2. Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Xét tuyển ở các ngành, chuyên ngành trừ các ngành/chuyên ngành có xét tuyển môn Vẽ Mỹ thuật.

- Xét tuyển dựa vào tổng điểm trung bình 3 năm cấp THPT của các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng (áp dụng chung cho cả thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025);

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế Tiếng Anh (Tiếng Pháp) tương đương IELTS 5.5 trở lên (các chứng chỉ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển) có thể sử dụng để thay thế môn Tiếng Anh (Tiếng Pháp) trong tổ hợp xét tuyển. Không xét tuyển với các chứng chỉ có hình thức thi "Home Edition".

3. Phương thức 3: Xét kết quả các kỳ thi do các cơ sở giáo dục đại học khác tổ chức

Xét tuyển ở các ngành/chuyên ngành trừ các ngành/chuyên ngành có xét tuyển môn Vẽ Mỹ thuật.

Nhóm 1: Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi Đánh giá tư duy năm 2024, 2025 do Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì tổ chức;

Nhóm 2: Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2025 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức;

Nhóm 3: Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) năm 2025 do các Trường Đại học phối hợp với Trung tâm Khảo thí quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

4. Phương thức 4: Tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển

4.1. Tuyển thẳng:

4.1.1. Tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT:

4.1.2. Tuyển thẳng theo Đề án của Trường:

a) Thí sinh là học sinh hệ chuyên (3 năm học lớp 10, 11, 12) của các trường THPT chuyên toàn quốc, các trường THPT trọng điểm quốc gia có bình quân điểm trung bình chung học tập năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên, tốt nghiệp THPT năm 2025 được xét tuyển thẳng vào trường theo ngành/chuyên ngành phù hợp với môn chuyên mà thí sinh theo học;

b) Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT đạt từ 1200 điểm trở lên hoặc ACT đạt từ 26 điểm trở lên (các chứng chỉ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển) được xét tuyển thẳng vào Trường;

c) Học sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học được các Trường chuyển về học.

Ghi chú: Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển thẳng vào các ngành/chuyên ngành có xét tuyển môn Vẽ Mỹ thuật phải dự thi môn Vẽ Mỹ thuật do Trường tổ chức và đạt từ 6,0 điểm trở lên.

4.2. Ưu tiên xét tuyển:

4.2.1. Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT:

4.2.2. Ưu tiên xét tuyển theo Đề án của Trường:

Thí sinh đoạt các giải nhất, nhì, ba các môn thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các môn đoạt giải gồm: Toán (Tin học), Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Tiếng Anh (Tiếng Pháp), Địa lý được ưu tiên xét tuyển theo ngành/chuyên ngành phù hợp với môn đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

III. Tổ chức tuyển sinh

1. Ngành, chuyên ngành, phương thức xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh:

STT	Nhóm ngành Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Mã xét tuyển	Cấp bằng	Chỉ tiêu (dự kiến)
Kiến trúc và quy hoạch				
1	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc sư	300
2	Kiến trúc/Kiến trúc công nghệ	7580101_02	Kiến trúc sư	50
3	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Kiến trúc sư	50
4	Kiến trúc nội thất	7580103	Kiến trúc sư	100
5	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Kiến trúc sư	50
Mỹ thuật				
6	Mỹ thuật đô thị	7210110	Cử nhân	50
Xây dựng				
7	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ sư	300
8	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình đào tạo Liên kết quốc tế với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ)	7580201_QT	Cử nhân	20
9	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình đào tạo Kỹ sư chất lượng cao - PFIEV)	7580201_CLC	Kỹ sư	110
10	Kỹ thuật xây dựng/ Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201_01	Kỹ sư	500
11	Kỹ thuật xây dựng/ Hệ thống kỹ thuật trong công trình	7580201_02	Kỹ sư	100
12	Kỹ thuật xây dựng/ Tin học xây dựng	7580201_03	Kỹ sư	150
13	Kỹ thuật xây dựng/ Kỹ thuật công trình thủy	7580201_04	Kỹ sư	50
14	Kỹ thuật xây dựng/ Kỹ thuật công trình biển	7580201_05	Kỹ sư	50
15	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông/ Xây dựng Cầu đường	7580205_01	Kỹ sư	100
16	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông/ Đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị	7580205_02	Kỹ sư	50
17	Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Kỹ thuật nước - Môi trường nước	7580213_01	Kỹ sư	50
Vật liệu và môi trường				
18	Kỹ thuật vật liệu	7520309	Kỹ sư	50
19	Kỹ thuật Môi trường	7520320	Kỹ sư	50
Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng				
20	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103	Kỹ sư	50

STT	Nhóm ngành Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Mã xét tuyển	Cấp bằng	Chỉ tiêu (dự kiến)
21	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	7510105	Kỹ sư	50
Công nghệ thông tin				
22	Công nghệ thông tin	7480201	Kỹ sư	300
23	Công nghệ thông tin/Công nghệ đa phương tiện	7480201_01	Cử nhân	50
Máy tính				
24	Khoa học Máy tính	7480101	Kỹ sư	150
25	Khoa học Máy tính (Chương trình đào tạo Liên kết quốc tế với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ)	7480101-QT	Cử nhân	20
Kỹ thuật cơ khí				
26	Kỹ thuật cơ khí	7520103	Kỹ sư	100
27	Kỹ thuật cơ khí/ Máy xây dựng	7520103_01	Kỹ sư	50
28	Kỹ thuật cơ khí/ Kỹ thuật cơ điện	7520103_03	Kỹ sư	100
29	Kỹ thuật cơ khí/ Kỹ thuật ô tô	7520103_04	Kỹ sư	100
Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông				
30	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ sư	50
Quản lý xây dựng				
31	Kinh tế xây dựng	7580301	Kỹ sư	450
32	Quản lý xây dựng/ Kinh tế và quản lý đô thị	7580302_01	Kỹ sư	100
33	Quản lý xây dựng/ Kinh tế và quản lý bất động sản	7580302_02	Kỹ sư	100
34	Quản lý xây dựng/ Quản lý hạ tầng, đất đai đô thị	7580302_03	Cử nhân	100
35	Quản lý xây dựng/ Kiểm toán đầu tư xây dựng	7580302_04	Cử nhân	50
Quản trị - Quản lý				
36	Quản lý dự án	7340409	Cử nhân	100
Quản lý công nghiệp				
37	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Cử nhân	150
38	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/ Logistics đô thị	7510605_01	Cử nhân	50
39	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/ Logistics công nghiệp	7510605_02	Cử nhân	50
Các ngành/chuyên ngành dự kiến mở mới năm 2025				
Chương trình Nghệ thuật và thiết kế (Mỹ thuật ứng dụng)				
40	Thiết kế công nghiệp	7210402	Cử nhân	150
41	Thiết kế đồ họa	7210403	Cử nhân	
42	Thiết kế thời trang	7210404	Cử nhân	

STT	Nhóm ngành Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Mã xét tuyển	Cấp bằng	Chỉ tiêu (dự kiến)
Công nghệ thông tin				
43	Công nghệ thông tin/ An toàn thông tin	7480201_02	Kỹ sư	50
Toán học				
44	Khoa học dữ liệu	7460108	Kỹ sư	50
Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông				
45	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ sư	50
Quản trị - Quản lý				
46	Quản lý tài sản	7340410	Cử nhân	50
Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp				
47	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	7850203	Cử nhân	50
Tổng				4.700

2. Chương trình đào tạo và cấp bằng

a) Đối với các chương trình kỹ sư, kiến trúc sư, người tốt nghiệp được cấp bằng kỹ sư/kiến trúc sư tương đương trình độ bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam với thời gian đào tạo thiết kế 5 năm;

b) Đối với các chương trình cử nhân, người tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân tương đương trình độ bậc 6 theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam với thời gian đào tạo thiết kế 4 năm;

c) Người tốt nghiệp kỹ sư/kiến trúc sư có thể học thạc sĩ đúng ngành hoặc khác ngành (sau khi học chuyên đổi và thỏa mãn điều kiện đầu vào); Người tốt nghiệp cử nhân có thể chuyển tiếp học kỹ sư, thạc sĩ ngành khác sau khi hoàn thành các học phần chuyển đổi, bổ sung kiến thức. Thời gian hoàn thành khóa học tương đương thời gian của chương trình kỹ sư (1,5 năm) hoặc chương trình thạc sĩ (2 năm) cộng với thời gian học chuyên đổi, bổ sung kiến thức.

3. Các chương trình quốc tế và chất lượng cao

3.1. Chương trình đào tạo Liên kết quốc tế với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ:

- Là chương trình hợp tác đào tạo bậc đại học giữa Trường ĐHXDHN và Đại học Mississippi - Hoa Kỳ. Mục tiêu của chương trình là mang đến cho sinh viên cơ hội tiếp cận nền giáo dục quốc tế, nâng cao kiến thức, kỹ năng và bằng cấp có giá trị toàn cầu mà không cần du học toàn thời gian.

- Gồm 02 ngành đào tạo:

+ Ngành Kỹ thuật xây dựng;

- + Ngành Khoa học máy tính.
- Sinh viên học theo Chương trình 2+2, gồm 2 giai đoạn.
- + Giai đoạn I (2 năm) học tại Trường ĐHXDHN, học phí theo quy định của Trường (khoảng 60.000.000đ/năm).

+ Giai đoạn II (2 năm), sinh viên có 2 lựa chọn:

Lựa chọn 1: Sinh viên đáp ứng đủ điều kiện về tài chính có thể chuyển tiếp sang học Giai đoạn II tại Đại học Mississippi, học phí theo quy định của Đại học Mississippi (khoảng 20.000USD/năm, đã trừ 6.000USD/năm theo thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Xây dựng Hà Nội với Đại học Mississippi). Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên được nhận bằng Cử nhân của Đại học Mississippi.

Lựa chọn 2: Sinh viên tiếp tục học tại Trường ĐHXD Hà Nội, viết tóm tắt luận văn và bảo vệ tốt nghiệp bằng tiếng Anh để nhận bằng Cử nhân chính quy của Trường ĐHXD Hà Nội, kèm phụ lục bằng chứng nhận tham gia chương trình hợp tác đào tạo quốc tế Anh ngữ. Học phí khoảng 50.000.000đ/năm trong 2 năm.

(Chi tiết xem tại <https://tuyensinh.huce.edu.vn/chuong-trinh-dai-hoc-va-du-bi-dai-hoc>)

3.2. Các chương trình hợp tác song phương chuyển tiếp tín chỉ:

- Là chương trình hợp tác giữa Trường ĐHXDHN với một số cơ sở giáo dục đại học đối tác ở Vương quốc Anh và Úc. Theo chương trình này, sinh viên học một phần chương trình tại Trường ĐHXDHN và sau đó chuyển tiếp sang trường đối tác để hoàn thành chương trình học và nhận bằng. Sinh viên có thể lựa chọn tham gia một trong các chương trình chuyển tiếp tín chỉ với các cơ sở giáo dục đại học của Vương quốc Anh và Úc như sau:

STT	Ngành/ Chuyên ngành	Cấu trúc chuyển tiếp	Cơ sở giáo dục chuyển tiếp	Nước đào tạo
1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	1+2	Đại học Huddersfield	Vương quốc Anh
2	Kiến trúc	2+2		
3	Kiến trúc/ Kiến trúc công nghệ	2+2		
4	Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng	3+2		
5	Khoa học máy tính	2.5+2	Đại học Deakin	Úc
6	Kỹ thuật môi trường	2+2.5		
7	Kỹ thuật Xây dựng	2+2		
8	Kinh tế xây dựng	3+2		
9	Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng	3+2	Đại học Victoria	Úc
10	Kỹ thuật xây dựng	3+1		

- Sinh viên hoàn thành chương trình chuyển tiếp sẽ được nhận Bằng cử nhân do các trường đối tác cấp.

(Chi tiết xem tại: <https://tuyensinh.huce.edu.vn/chuong-trinh-dai-hoc-va-du-bi-dai-hoc>)

3.3. Chương trình đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao - PFIEV:

Ngành đào tạo: Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Có 04 chuyên ngành

- Cơ sở Hạ tầng giao thông;
- Kỹ thuật đô thị;
- Kỹ thuật Công trình thủy;
- Vật liệu xây dựng.

Hai năm đầu học theo chương trình chung sau đó phân vào các chuyên ngành.

Chương trình PFIEV được thực hiện theo Nghị định thư ngày 12 tháng 11 năm 1997 giữa Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Pháp; Chương trình được Ủy ban văn bằng kỹ sư Pháp (CTI), Cơ quan kiểm định các chương trình đào tạo kỹ sư Châu Âu (ENAAEE) và Bộ GDĐT Việt Nam công nhận tương đương trình độ thạc sĩ.

3.4. Các chương trình đào tạo Anh ngữ, Pháp ngữ:

Các chương trình đào tạo Anh ngữ, Pháp ngữ được xét tuyển sau khi nhập học vào Trường, gồm có:

- a) Các chương trình đào tạo Pháp ngữ - Hợp tác với AUF (Tổ chức đại học Pháp ngữ):
 - Ngành Kiến trúc (KDF): 50 chỉ tiêu
 - Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (XF): 50 chỉ tiêu
- b) Các chương trình đào tạo Anh ngữ:
 - Ngành Kiến trúc (KDE): 50 chỉ tiêu
 - Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (XE): 100 chỉ tiêu
 - Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật trong công trình (HKEC): 50 chỉ tiêu
 - Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông/ Chuyên ngành Xây dựng Cầu đường (CDE): 50 chỉ tiêu
 - Ngành Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Chuyên ngành Kỹ thuật nước - Môi trường nước (MNEC): 50 chỉ tiêu
 - Ngành Kinh tế xây dựng (KTE): 50 chỉ tiêu

4. Đăng ký xét tuyển

Thí sinh cập nhật thông tin về công tác tổ chức tuyển sinh trên Trang Thông tin (Website) tuyển sinh: <https://tuyensinh.huce.edu.vn/>

5. Tư vấn tuyển sinh

Bộ phận tuyển sinh Đại học, Phòng Truyền thông và Tuyển sinh, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

P.304 nhà A1, số 55 Đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024)38 694 711; Hotline: 0869 071 382

Email: tuyensinhdh@huce.edu.vn

Website Tuyển sinh: <https://tuyensinh.huce.edu.vn/>

Fanpage Tuyển sinh: <https://www.facebook.com/tsdhxdhn>

Nơi nhận:

- Website Trường, Website Tuyển sinh;
- Lưu: VT, TT&TS.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Phú Doanh